TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/2025/TT-TANDTC	*Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định mẫu, việc cấp phát, sử dụng trang phục, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên của Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức và người lao động trong Tòa án nhân dân

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 6 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính Tòa án nhân dân tối cao;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định mẫu, việc cấp phát, sử dụng trang phục, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên của Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức và người lao động trong Tòa án nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về Mẫu trang phục, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên; nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, đổi, thu hồi, quản lý, sử dụng trang phục, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên của Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức không giữ chức danh tư pháp (sau đây gọi là công chức khác), viên chức và người lao động trong Tòa án nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức, người lao động trong Tòa án nhân dân và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc cấp phát, quản lý, sử dụng trang phục, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên

1. Việc cấp phát, quản lý, sử dụng trang phục, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên phải đúng đối tượng, tiêu chuẩn, định mức và bảo đảm thống nhất trong Tòa án nhân dân.

2. Trang phục, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên được sử dụng trong hoạt động công vụ theo quy định của pháp luật, không sử dụng nhằm mục đích để tư lợi.

3. Mọi vi phạm trong việc cấp phát, quản lý, sử dụng trang phục, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên phải được xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hành vi bị nghiêm cấm

1. Tự ý thay đổi kiểu dáng, màu sắc, họa tiết và chất liệu trang phục.

2. Sử dụng trang phục, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên làm ảnh hưởng xấu đến hình ảnh, uy tín của Tòa án nhân dân.

3. Cho, mượn, tặng, cầm cố, thế chấp, mua, bán Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân.

4. Sử dụng Giấy chứng nhận chức danh tư pháp và Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân thay giấy giới thiệu, căn cước công dân hoặc các giấy tờ tùy thân khác nhằm mục đích tư lợi.

Chương II
MẪU TRANG PHỤC, GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨC DANH TƯ PHÁP, GIẤY CHỨNG NHẬN TÒA ÁN NHÂN DÂN, BIỂN TÊN; CHỦNG LOẠI, ĐỊNH MỨC, NIÊN HẠN TRANG PHỤC CỦA THẨM TRA VIÊN TÒA ÁN, THƯ KÝ TÒA ÁN, CÔNG CHỨC KHÁC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Mục 1
MẪU TRANG PHỤC, CHỦNG LOẠI, ĐỊNH MỨC, NIÊN HẠN

Điều 5. Chủng loại trang phục được cấp

1. Lễ phục nam là bộ com lê (gồm áo vét và quần âu đồng bộ), nữ giới là bộ áo dài truyền thống (gồm áo dài và quần dài).

2. Trang phục làm việc hàng ngày

a) Trang phục thu đông gồm bộ com lê, áo sơ mi dài tay và áo khoác chống rét.

b) Trang phục xuân hè gồm quần âu đen, áo sơ mi trắng.

3. Trang phục khác gồm cà vạt, thắt lưng, giày da, dép quai hậu, cặp đựng tài liệu, biển tên, áo mưa, bít tất.

Điều 6. Mẫu, kiểu dáng, màu sắc, họa tiết, chất liệu trang phục

1. Lễ phục

a) Lễ phục nam giới: Màu đen; kiểu dáng áo com lê; hai hàng khuy, mỗi hàng có 03 khuy, khuy chất liệu đồng mạ vàng; cổ áo kiểu chữ K; lót trong là lót lụa màu đen tím than; xẻ hai bên sườn; thân trước có túi, túi ngực phía trên bên trái, phía dưới hai túi hai bên có nắp. Quần kiểu hai ly, túi chéo dọc, một túi hậu máy viền; cạp dựng cứng (có một móc và một khuy hãm); cửa quần làm khóa; làm 6 đỉa thắt lưng; thân trước làm lót gối; gấu quần làm chếch có mặt nguyệt (*Phụ lục số 01 kèm theo*).

b) Lễ phục của nữ giới: Áo dài màu đỏ boóc đô; kiểu áo dài truyền thống, phía sau dùng khóa dây kéo dài từ gáy đến thắt lưng. Quần màu đen, kiểu truyền thống, dây kéo giọt nước ở thân trước (*Phụ lục số 02 kèm theo*).

2. Trang phục làm việc hàng ngày (*Phụ lục số 03 kèm theo*)

a) Trang phục thu đông: bộ com lê màu đen, loại vải tốt (áo vét và quần âu cùng chất liệu vải).

Áo vét: kiểu dáng áo có 01 hàng khuy cài thẳng 02 khuy, vạt tròn, hai ve cổ hình chữ K; hai túi dưới viền và có nắp; một túi cơi ngực (Áo nữ không có túi cơi ngực), bên trong làm hai túi lót; thân sau có xẻ; cửa tay có xẻ đính 3 khuy.

Quần âu: theo kiểu hai ly, túi chéo dọc, một túi hậu máy viền, quần âu của nữ không có túi hậu; cạp dựng cứng (có một móc và một khuy hãm); cửa quần làm khóa; làm 06 đỉa thắt lưng; thân trước làm lót gối, quần âu của nữ không có lót gối; gấu quần làm chếch có mặt nguyệt; quần âu của nữ làm bằng, không có mặt nguyệt.

Áo khoác chống rét: chất liệu là vải dạ tốt, màu đen sẫm, theo kiểu dáng một hàng khuy, cài thẳng, 05 khuy; cổ thò ve thụt; thân trước có đề cúp ngực, xẻ sau; có hai túi cơi chéo ở thân trước; có cá tay đầu nhọn đính một khuy; các đường diễu nổi tám ly; toàn bộ khuy ngực đính loại khuy 3 cm; khuy tay đính loại 2,7 cm; có hai túi lót kiểu hai viền.

b) Trang phục xuân hè: bao gồm quần âu và áo sơ mi.

Quần âu có kiểu dáng, màu sắc như quần âu thu đông.

Áo sơ mi màu trắng, kiểu cổ đứng, có dựng mếc để thắt cà vạt, tay rời, áo sơ mi dài tay, cửa tay măng séc có khuy cài, áo nam một túi không có nắp ở ngực trái, áo nữ không có túi. Do quần áo xuân hè được cấp 02 bộ nên có thể may 01 áo sơ mi ngắn tay.

3. Trang phục khác

a) Thắt lưng: bằng da, màu đen, thắt lưng nam bản rộng 3,4 cm, thắt lưng nữ bản rộng 2,4 cm; có khóa, đầu khóa có hãm răng cưa; mặt sau khóa có chốt gài vào dây lưng có in chữ hoặc biểu trưng của Tòa án trên mặt khóa của thắt lưng.

b) Cà vạt: dùng loại thắt, màu đen, không có hoa văn, không có đường kẻ, bản to vừa phải, hợp với cỡ từng người.

c) Giày da: màu đen, kiểu cổ thấp, mũi nhọn trung bình; của nam đế cao không quá 3 cm; của nữ không quá 5 cm.

d) Cặp đựng tài liệu: chất liệu giả da, màu đen; kích thước 38,5 cm x 28 cm x 10 cm; có in chìm hình logo Tòa án nhân dân ở giữa mặt trước và dòng chữ "Tòa án nhân dân".

đ) Biển tên làm bằng vật liệu nhẹ, hình chữ nhật màu xanh da trời (kích thước 2 cm x 6 cm); phía góc bên trái mặt biển tên có logo Tòa án; ở giữa dòng trên cùng: Tên đơn vị công tác; dòng thứ 2: Họ và tên; dòng thứ 3: Chức vụ.

Điều 7. Định mức, niên hạn cấp phát

1. Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức tại đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên hoặc một phần chi thường xuyên (trong phương án tự chủ không bao gồm kinh phí về trang phục) được cấp trang phục theo định mức, niên hạn như sau:

a) Lễ phục: năm năm 01 bộ;

b) Áo khoác chống rét: năm năm 01 chiếc (không cấp cho Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác thuộc vùng nắng nóng quanh năm, không có mùa đông);

c) Quần áo thu đông: hai năm 01 bộ, lần đầu cấp 02 bộ (bốn năm 01 bộ đối với Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác thuộc vùng nắng nóng quanh năm, không có mùa đông);

d) Quần áo xuân hè: một năm 01 bộ, lần đầu cấp 02 bộ (một năm 02 bộ đối với Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác thuộc vùng nắng nóng quanh năm, không có mùa đông);

đ) Áo sơ mi dài tay: một năm 02 chiếc;

e) Thắt lưng: hai năm 01 chiếc;

g) Giày da: hai năm 01 đôi, lần đầu cấp 02 đôi;

h) Bít tất: một năm 02 đôi;

i) Dép có quai hậu: một năm 01 đôi;

k) Cà vạt: hai năm 01 chiếc;

l) Áo mưa: hai năm 01 chiếc;

m) Cặp đựng tài liệu: ba năm 01 chiếc;

n) Biển tên.

2. Viên chức tại đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên hoặc một phần chi thường xuyên (trong phương án tự chủ đã bao gồm kinh phí về trang phục) được cấp trang phục cần thiết phù hợp với nhu cầu công việc theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư này. Thủ trưởng đơn vị trực tiếp sử dụng viên chức quyết định định mức, niên hạn cấp phát trang phục.

3. Người lao động (bảo vệ, tạp vụ, nhân viên kỹ thuật điện, nước, nhân viên y tế, …) được cấp trang phục bảo hộ lao động phù hợp với công việc và quy định pháp luật liên quan. Thủ trưởng đơn vị trực tiếp sử dụng người lao động quyết định định mức, niên hạn cấp phát trang phục.

Mục 2
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨC DANH TƯ PHÁP, GIẤY CHỨNG NHẬN TÒA ÁN NHÂN DÂN

Điều 8. Giấy chứng nhận chức danh tư pháp

1. Giấy chứng nhận chức danh tư pháp được cấp cho Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án.

2. Mẫu Giấy chứng nhận chức danh tư pháp quy định như sau:

a) Kích thước: chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm;

b) Mặt trước: nền đỏ, trên cùng là dòng chữ màu vàng “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” phông chữ VnArialH đậm, in hoa, cỡ chữ 10; ở giữa là

logo Tòa án đường kính 25mm; phía dưới logo Tòa án là dòng chữ màu vàng "GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨC DANH TƯ PHÁP" phông chữ VnArialH đậm, in hoa, cỡ chữ 13;

c) Mặt sau: nền trắng có hoa văn chìm hình trống đồng màu đỏ in chìm; góc trên bên trái có logo Tòa án, đường kính 14 mm; góc dưới bên trái có ảnh chân dung của công chức cỡ 20 x 30 mm; có thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, chức vụ, chức danh, đơn vị công tác, ngày cấp giấy chứng nhận chức danh tư pháp. Ảnh được đóng dấu chìm của cơ quan có thẩm quyền cấp *(Phụ lục số 04 kèm theo).*

Điều 9. Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân

1. Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân được cấp cho công chức khác, viên chức, người lao động không giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân.

2. Mẫu Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân quy định như sau:

a) Kích thước: chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm;

b) Mặt trước: nền trắng, trên cùng là dòng chữ màu đỏ "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" phông chữ VnArialH đậm, in hoa, cỡ chữ 10; ở giữa là logo Tòa án đường kính 25 mm; phía dưới logo Tòa án là dòng chữ màu đỏ "GIẤY CHỨNG NHẬN TÒA ÁN NHÂN DÂN" phông chữ VnArialH, cỡ chữ 13;

c) Mặt sau: nền trắng có hoa văn hình trống đồng màu vàng in chìm; góc trên bên trái có logo Tòa án, đường kính 14 mm; góc dưới bên trái có ảnh chân dung của công chức khác, viên chức, người lao động cỡ 20 x 30 mm; có thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, chức vụ, chức danh, đơn vị công tác, ngày cấp giấy chứng nhận Tòa án nhân dân. Ảnh được đóng dấu chìm của cơ quan có thẩm quyền cấp *(Phụ lục số 05 kèm theo).*

Chương III

THẨM QUYỀN CẤP, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRANG PHỤC, GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨC DANH TƯ PHÁP, GIẤY CHỨNG NHẬN TÒA ÁN NHÂN DÂN, BIỂN TÊN CỦA THẨM TRA VIÊN TÒA ÁN, THƯ KÝ TÒA ÁN, CÔNG CHỨC KHÁC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 10. Thẩm quyền cấp trang phục

1. Tòa án nhân dân tối cao thực hiện cấp phát trang phục cho Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức trong Tòa án nhân dân theo đúng chủng loại, định mức, niên hạn theo quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng đơn vị trực tiếp sử dụng viên chức, người lao động quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 của Thông tư này thực hiện cấp phát trang phục cho viên chức, người lao động theo đúng chủng loại, định mức, niên hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Sử dụng trang phục làm việc hàng ngày

1. Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức, người lao động trong giờ làm việc hoặc khi thực hiện nhiệm vụ phải chấp hành quy định về sử dụng trang phục theo mùa đã được cấp phát.

2. Trường hợp nghỉ hưu, không còn công tác trong Tòa án nhân dân mà trang phục được cấp chưa hết niên hạn thì không phải thu hồi; nếu hết niên hạn mà chưa được cấp phát thì không được cấp phát.

Điều 12. Sử dụng lễ phục

1. Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức, người lao động sử dụng lễ phục trong buổi mít tinh; hội nghị; đại hội, ngày lễ lớn.

2. Việc sử dụng lễ phục trong trường hợp khác quy định tại khoản 1 Điều này do Trưởng ban tổ chức Hội nghị hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

3. Khi sử dụng lễ phục, Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức, người lao động được đeo huân chương, huy chương, kỷ niệm chương, huy hiệu của Đảng, Nhà nước, của Tòa án nhân dân ở ngực áo bên trái theo thứ tự hạng bậc từ cao đến thấp, từ trên xuống dưới, từ trái qua phải.

Điều 13. Trường hợp không bắt buộc sử dụng trang phục

1. Do yêu cầu công tác, tiếp khách quốc tế, hội thảo quốc tế hoặc tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, hoạt động xã hội.

2. Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức, người lao động là phụ nữ mang thai từ tháng thứ ba đến khi sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, trừ trường hợp khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định phải sử dụng trang phục.

Điều 14. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, biển tên cho Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án; Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên cho công chức khác, viên chức, người lao động của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, biển tên cho Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án; Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên cho công chức khác, người lao động trong Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố và Tòa án nhân dân khu vực thuộc tỉnh, thành phố.

3. Chánh án Tòa án quân sự Trung ương cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp cho Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án của Tòa án quân sự các cấp.

Điều 15. Trình tự, thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên

1. Cơ quan, đơn vị quản lý công chức cấp Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, biển tên cho Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, tuyển dụng, bổ nhiệm.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý cấp Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên cho công chức khác, viên chức, người lao động trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động.

Điều 16. Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên

Việc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Khi thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên;

2. Thông tin trong Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên đã cấp có sai sót;

3. Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên bị mất, bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng.

Điều 17. Trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên

1. Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức và người lao động làm hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên gửi đến cơ quan, đơn vị quản lý.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên gồm:

a) Tờ khai đề nghị theo mẫu *(Phụ lục số 06 kèm theo)*;

b) Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên đã được cấp (nếu có);

c) Giấy tờ, tài liệu hợp pháp chứng minh Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên đã được cấp có sai sót thông tin hoặc có bản giải trình về việc giấy tờ bị mất, bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, cơ quan, đơn vị quản lý phải xem xét, quyết định việc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên.

4. Việc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên được thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này.

Điều 18. Thu hồi Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân

1. Việc thu hồi Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Được cấp không đúng quy định;

b) Bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng;

c) Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức, người lao động nghỉ hưu hoặc không còn công tác trong Tòa án nhân dân;

d) Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức, người lao động bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Việc thu hồi Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân do cơ quan, đơn vị quản lý có thẩm quyền cấp thực hiện theo quy định.

Điều 19. Kiểm tra, thanh tra

1. Thủ trưởng đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực có trách nhiệm kiểm tra việc sử dụng trang phục, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên đối với Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

2. Chánh án Tòa án quân sự các cấp có trách nhiệm kiểm tra việc sử dụng Giấy chứng nhận chức danh tư pháp đối với Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

3. Tòa án nhân dân tối cao thanh tra việc sử dụng trang phục, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên đối với Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức, người lao động trong Tòa án nhân dân.

Điều 20. Xử lý vi phạm

Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, công chức khác, viên chức và người lao động vi phạm quy định về quản lý, sử dụng trang phục, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân, biển tên thì tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

2. Cục Kế hoạch - Tài chính, Vụ Tổ chức - Cán bộ Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án quân sự trung ương, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Quá trình thực hiện Thông tư, nếu gặp khó khăn, vướng mắc thì phản ánh về Cục Kế hoạch - Tài chính Tòa án nhân dân tối cao để có hướng dẫn kịp thời./.

CHÁNH ÁN

Lê Minh Trí

MÔ TẢ KIỂU DÁNG TRANG PHỤC TÒA ÁN NHÂN DÂN

PHỤ LỤC SỐ 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

LỄ PHỤC NAM

1. Áo com lê (Lễ phục nam)

Màu sắc: Màu đen

THÂN TRƯỚC THÂN SAU

2. Quần com lê (Lễ phục nam)

THÂN TRƯỚC THÂN SAU

3. Hình ảnh Khuy áo lễ phục nam

18mm

22mm

PHỤ LỤC SỐ 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

LỄ PHỤC NỮ

1. Áo dài (Lễ phục nữ)

Màu sắc: Màu đỏ boóc đô

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT ÁO DÀI

THÂN TRƯỚC

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT ÁO DÀI

THÂN SAU

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT ÁO DÀI

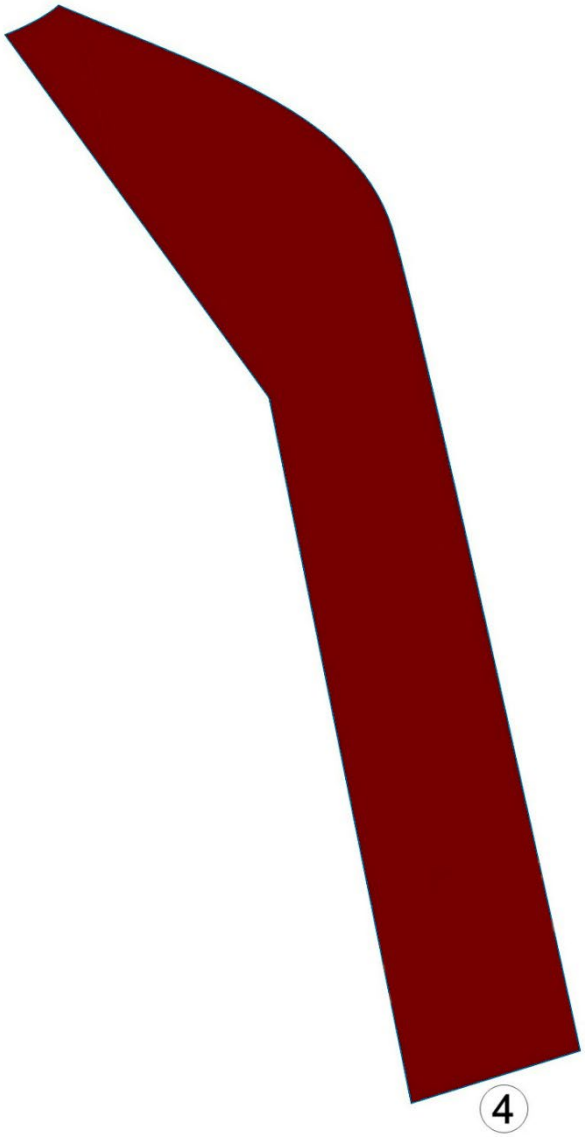

TAY

2. Quần của áo dài (Lễ phục nữ)

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT ÁO DÀI

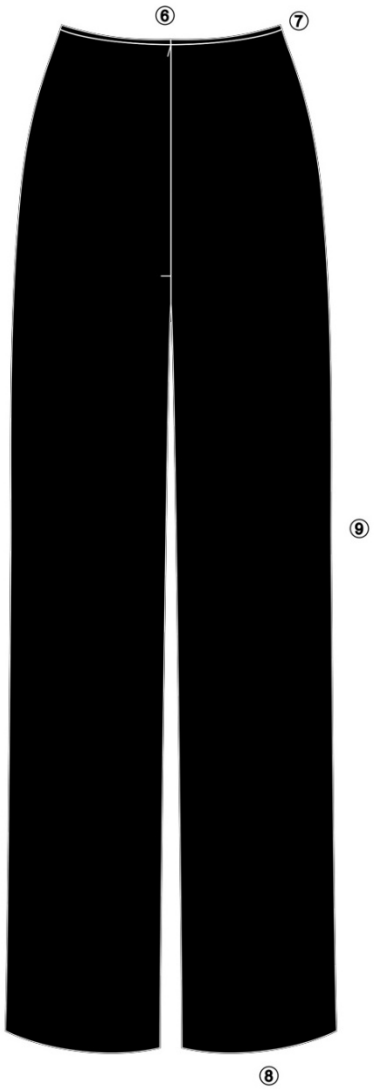

QUẦN

PHỤ LỤC SỐ 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

Mô tả trang phục làm việc hàng ngày của Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án Tòa án, công chức khác, viên chức và người lao động hợp đồng không thời hạn Tòa án nhân dân

1. Áo chống rét

1.1. Áo chống rét nam

ÁO CHỐNG RÉT NAM

THÂN TRƯỚC

THÂN SAU

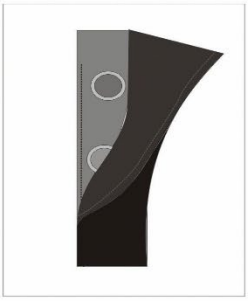

NẸP NGẦM

1.2. Áo chống rét nữ

ÁO CHỐNG RÉT NỮ

THÂN TRƯỚC

THÂN SAU

NẸP NGẦM

2. Com lê (Quần áo thu đông):

Hình ảnh mặt trước	Hình ảnh mặt sau
2.1. Áo Nam	
2.2.Áo nữ	

2.3. Quần âu (thu đông) Nam 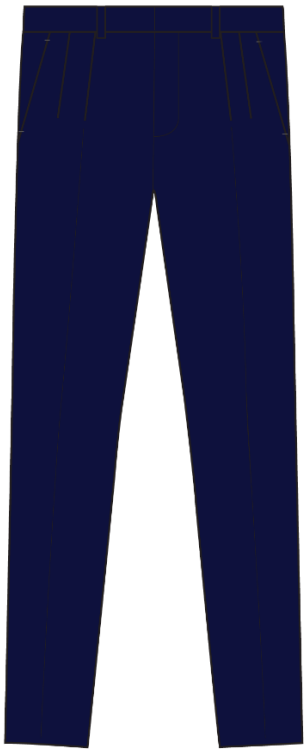	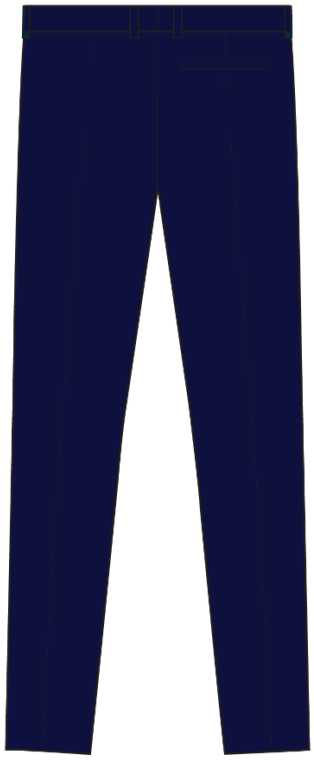
2.4. Quần âu (thu đông) nữ 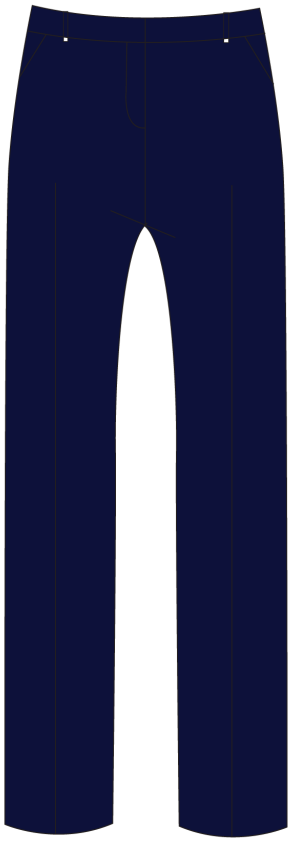	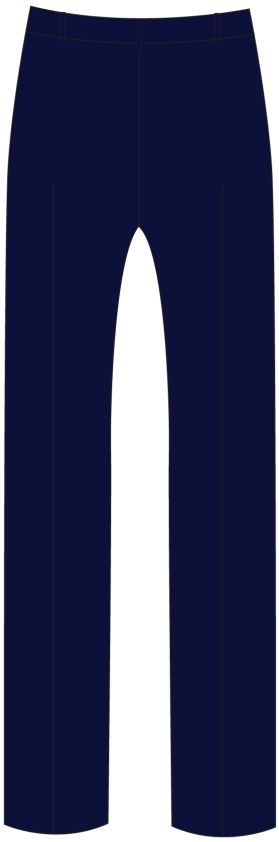

3. Quần áo xuân hè

QUẦN ÁO XUÂN HÈ NAM

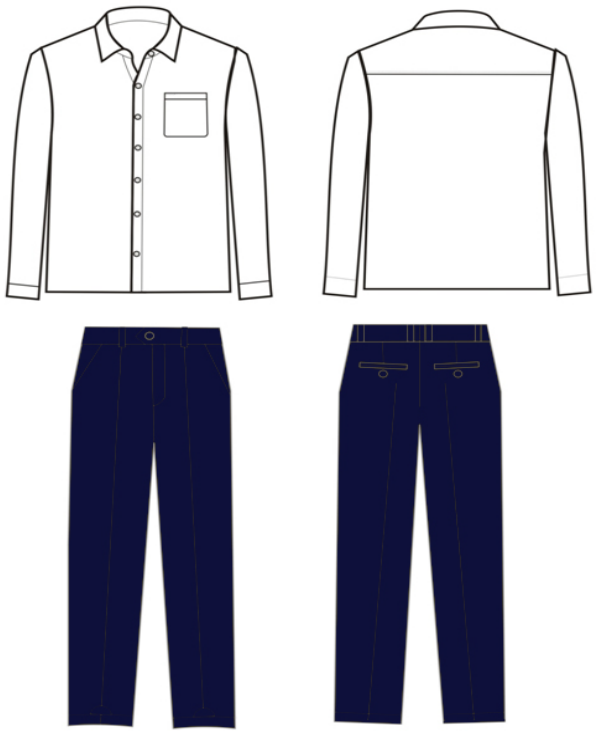

QUẦN ÁO XUÂN HÈ NỮ

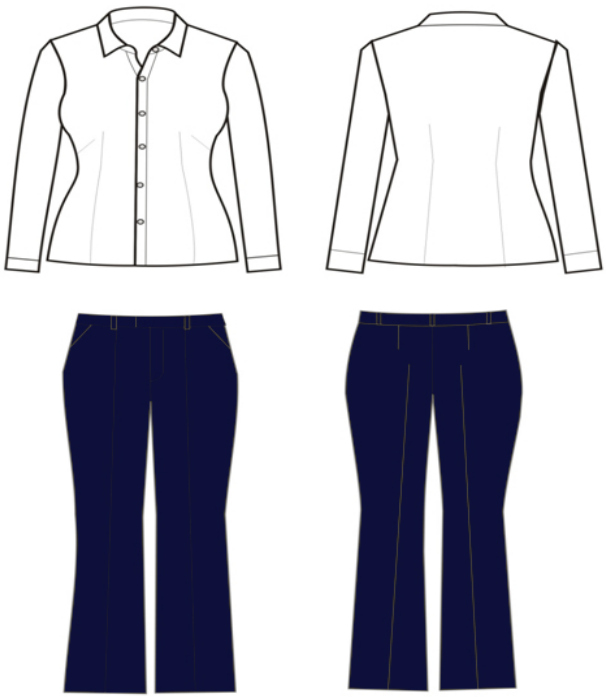

4. Ca vát Nam - Nữ

CA VÁT NAM - NỮ

5. Giày da

5.1. Giày da nam

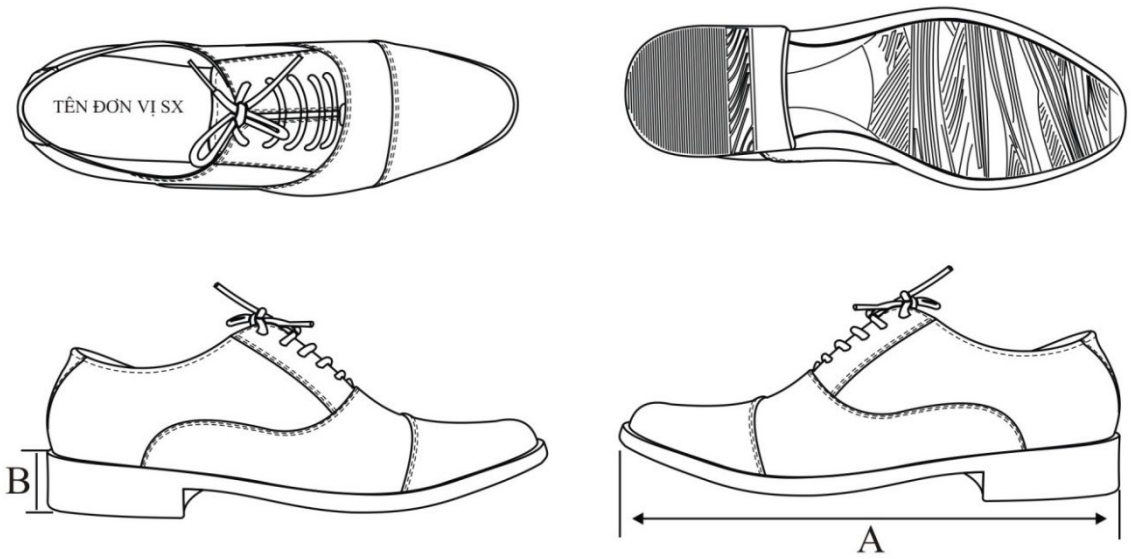

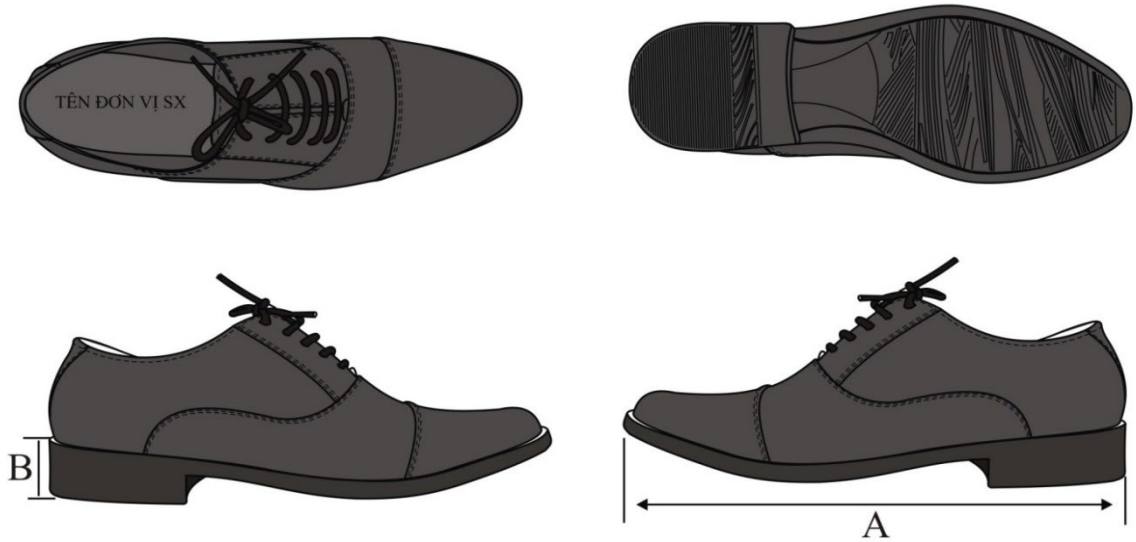

5.2. Giày da nữ

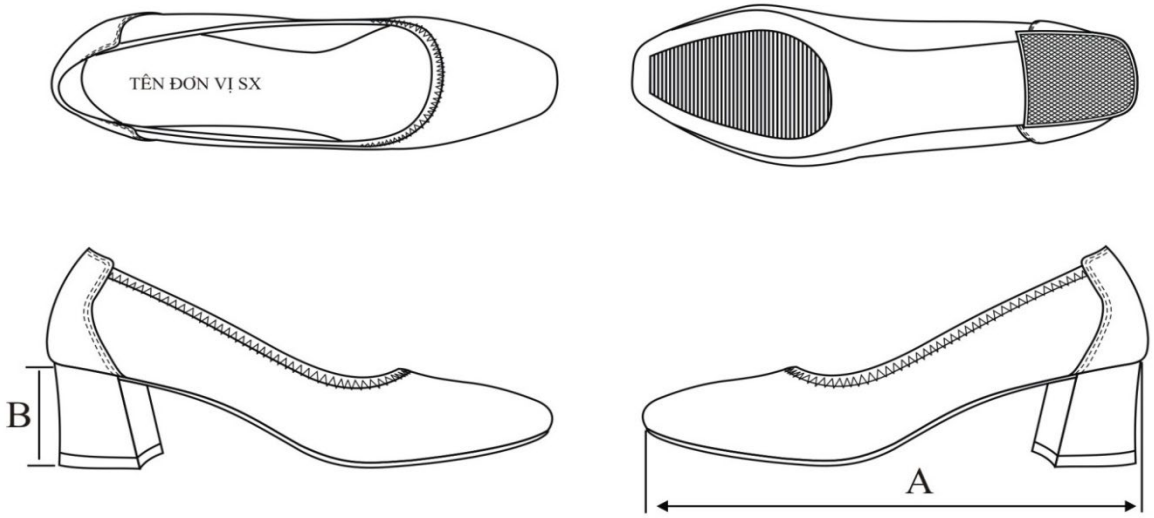

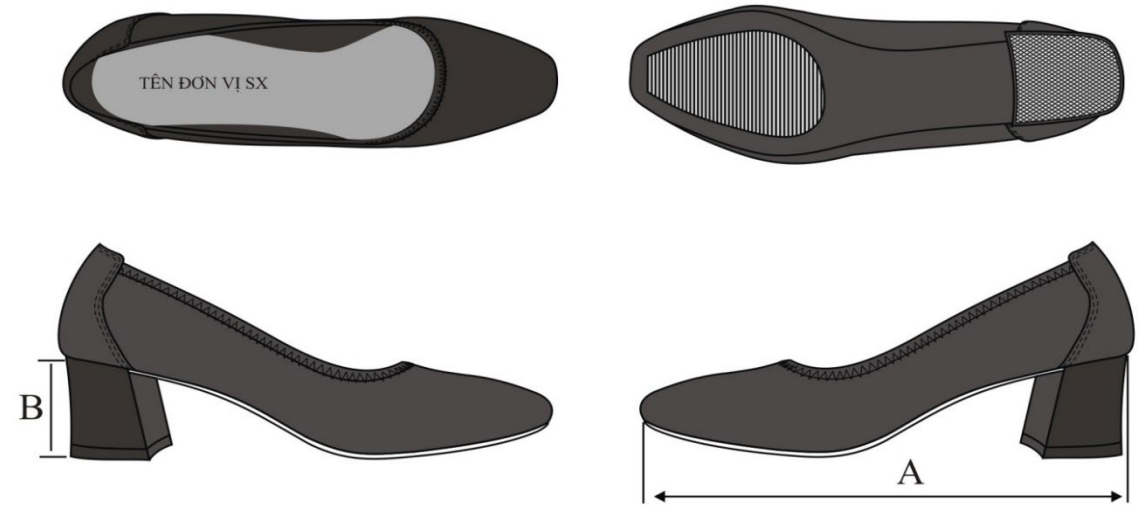

6. Dép quai hậu nam

6.1. Dép quai hậu nam

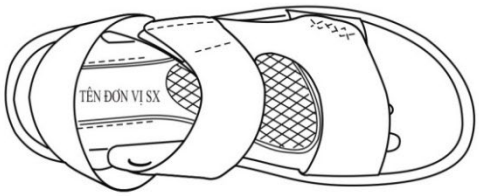

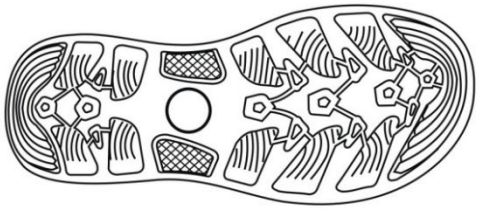

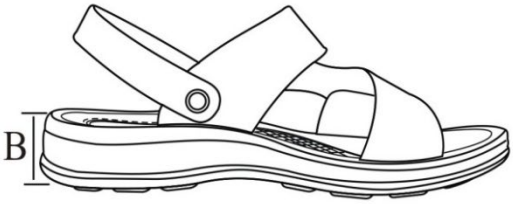

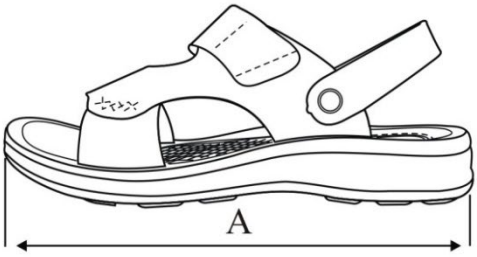

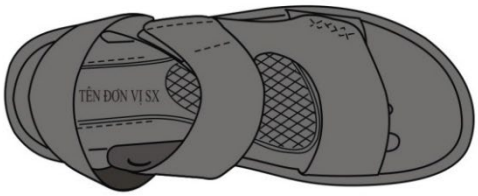

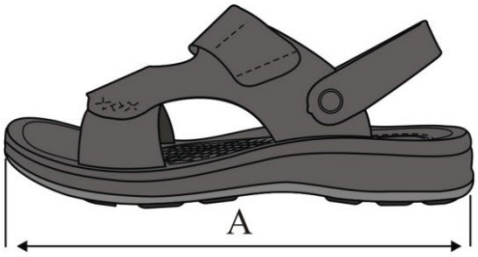

6.2. Dép quai hậu nữ

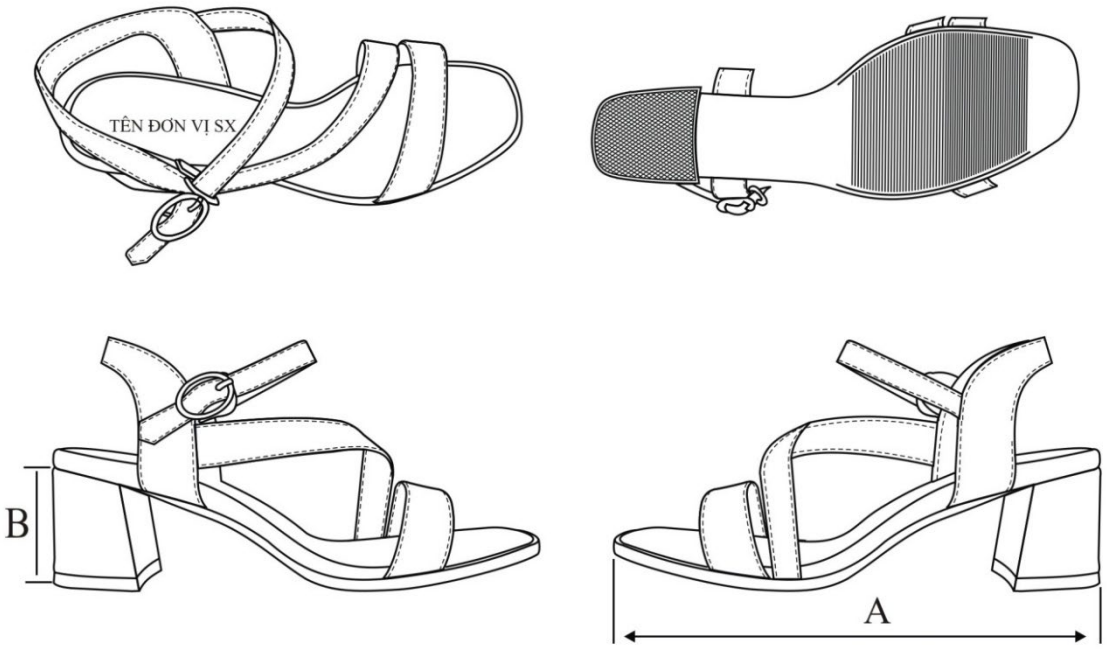

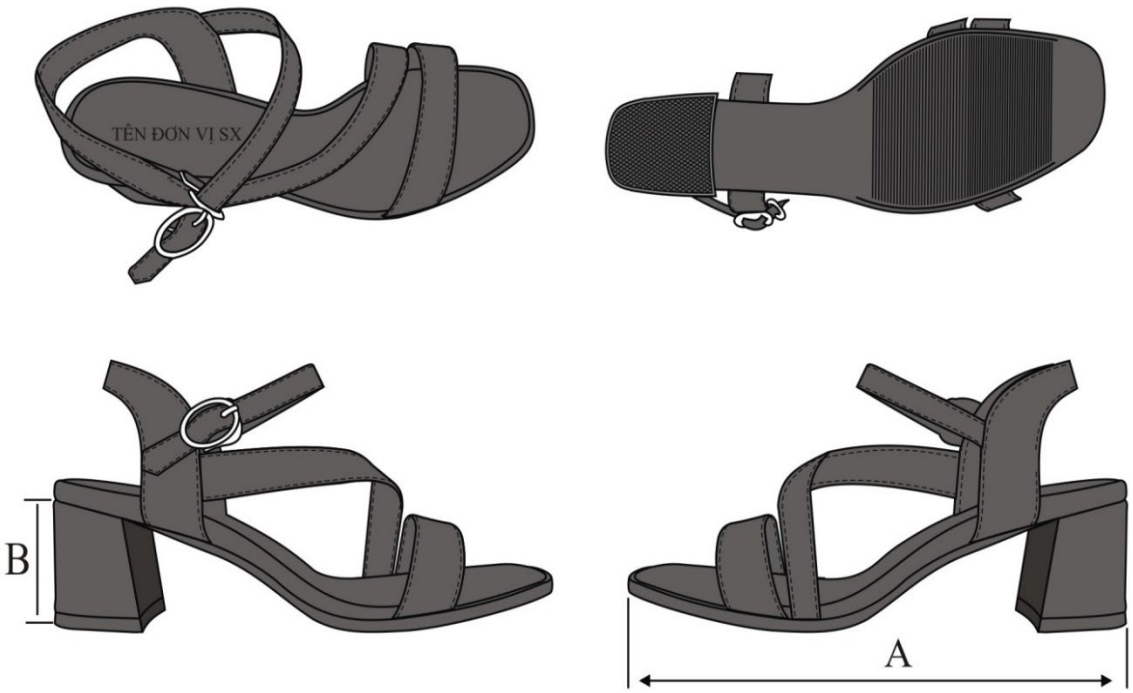

7. Thắt lưng nam, nữ

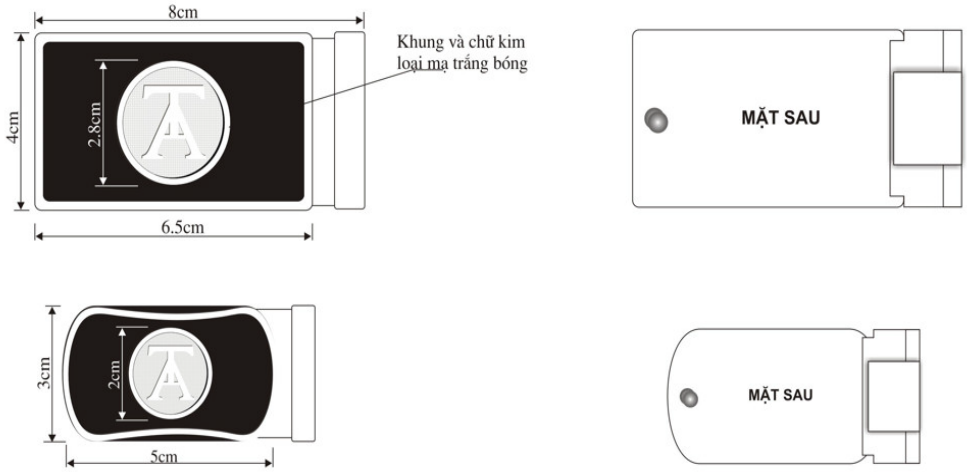

8. Cặp tài liệu

9. Bít tất

Hình ảnh

10. Áo mưa:

Hình ảnh mặt trước	Hình ảnh mặt sau

11. Biển tên

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
NGUYỄN VĂN A
THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
NGUYỄN VĂN A
THẨM PHÁN TAND TỐI CAO

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
NGUYỄN VĂN A
THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN

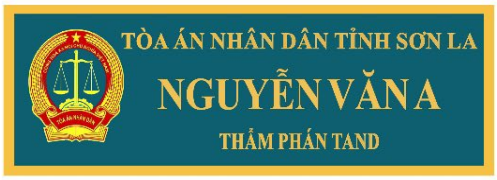
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
NGUYỄN VĂN A
THẨM PHÁN TAND

PHỤ LỤC SỐ 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨC DANH TƯ PHÁP

1. Kích thước: Chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm.

2. Mặt trước: nền đỏ, trên cùng là dòng chữ "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" phông chữ VnArialH đậm, màu vàng, in hoa, cỡ chữ 10; ở giữa là logo Tòa án đường kính 25mm; phía dưới logo Tòa án là dòng chữ "GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨC DANH TƯ PHÁP" phông chữ VnArialH, màu vàng, in hoa, cỡ chữ 13 (Hình 1).

(Hình 1)

3. Mặt sau: nền trắng có hoa văn chìm, màu đỏ; ở giữa có hình trống đồng in chìm; góc trên bên trái có logo Tòa án, đường kính 14mm; góc dưới bên trái có ảnh của cán bộ, công chức khác, viên chức, cỡ 20 x 30 mm; có thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, chức vụ, chức danh, đơn vị công tác của cán bộ, công chức khác, viên chức, ngày cấp giấy chứng nhận chức danh tư pháp. Ảnh được đóng dấu chìm của cơ quan có thẩm quyền cấp (Hình 2).

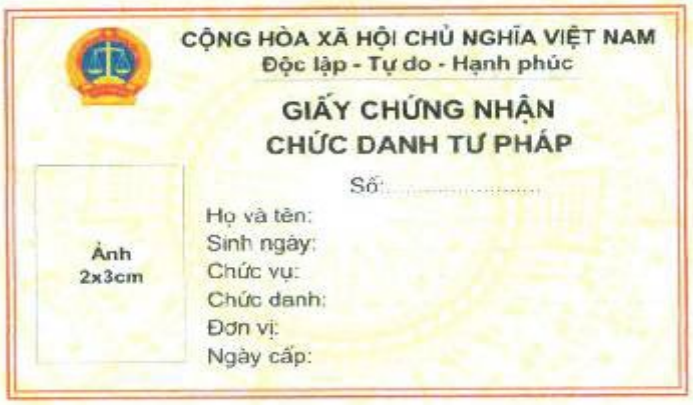

(Hình 2)

PHỤ LỤC SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN TÒA ÁN NHÂN DÂN

1. Kích thước: Chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm.

2. Mặt trước: nền trắng, trên cùng là dòng chữ "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" phông chữ VnArialH đậm, màu đỏ, in hoa, cỡ chữ 10; ở giữa là logo Tòa án đường kính 25mm; phía dưới logo Tòa án là dòng chữ "GIẤY CHỨNG NHẬN TÒA ÁN NHÂN DÂN" phông chữ VnArialH, màu đỏ, in hoa, cỡ chữ 13 (Hình 1).

(Hình 1)

3. Mặt sau: nền trắng có hoa văn chìm, màu vàng; ở giữa có hình trống đồng in chìm; góc trên bên trái có logo Tòa án, đường kính 14mm; góc dưới bên trái có ảnh của cán bộ, công chức khác, viên chức, người lao động cỡ 20x30 mm; có thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, chức vụ, chức danh, đơn vị công tác của cán bộ, công chức khác, viên chức, ngày cấp giấy chứng nhận Tòa án nhân dân. Ảnh được đóng dấu chìm của cơ quan có thẩm quyền cấp (Hình 2).

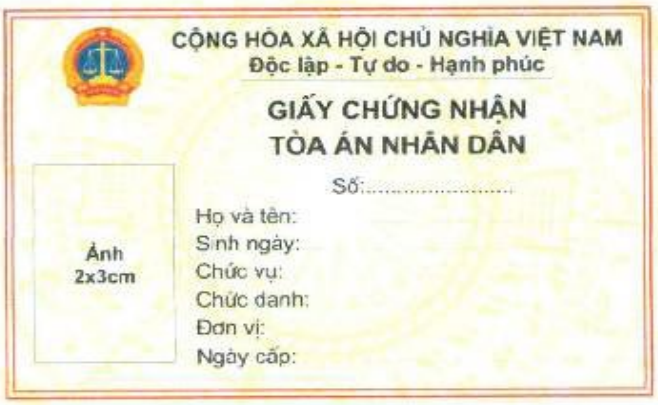

(Hình 2)

PHỤ LỤC SỐ 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-TANDTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)

MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TƯ PHÁP, GIẤY CHỨNG NHẬN TÒA ÁN NHÂN DÂN, BIỂN TÊN

TÒA ÁN NHÂN DÂN …	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHỨC DANH TƯ PHÁP/ GIẤY CHỨNG NHẬN TÒA ÁN NHÂN DÂN/ BIỂN TÊN

Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân…….

Họ và tên: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

Chức danh: .....

Chức vụ: .....

Đơn vị công tác: .....

Nhiệm kỳ: .....

Lý do cấp đổi, cấp lại (đối với các trường hợp cấp đổi, cấp lại):.....

.....

.....

.....

Mã số định danh:.....

Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân……. cấp mới (cấp đổi, cấp lại) Giấy chứng nhận chức danh tư pháp (Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân) cho tôi.

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là chính xác.

XÁC NHẬN CỦA **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**	*……, ngày….. tháng ….năm 20…* **Người khai**